

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20-6-2019

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Thành

2. Bà Trần Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Bình – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2019/TL.ST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Phạm Thị Tuyết L

Địa chỉ: Ấp 3B, thị trấn BN, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ngô Văn Tính

Địa chỉ: Ấp 3B, thị trấn BN, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 01 tháng 12 năm 2018, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà L trình bày: Bà và ông Ngô Văn Tính kết hôn với nhau năm 1994, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới, đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Tính thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập bà và có quen biết với người phụ nữ khác ở bên ngoài. Bà đã nhiều lần khuyên nhưng ông Tính không thay đổi. Đến nay bà xác định không còn tình cảm với ông Tính nên xin được ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung là Ngô Thúy N (nữ) sinh ngày 20/6/1996, Ngô Thúy L1 (nữ) sinh ngày 15/8/1998 và Ngô Thúy L (nữ) sinh ngày 21/4/2008. Đối với hai cháu N và L1 đã trưởng thành nên bà không yêu cầu về quyền nuôi dưỡng, còn

cháu L hiện đang sống với bà nên sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu L, không yêu cầu ông Tính cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn Ngô Văn Tính trình bày như sau: Ông Tính thống nhất với lời trình bày của bà L về quá trình dẫn đến kết hôn. Tuy nhiên, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì ông Tính cho rằng ông cũng có nhậu nhẹt, có đánh bà L một hai lần chứ không phải thường xuyên, ông cũng có bỏ bịch nhưng giờ ông đã sửa đổi, ông có bỏ nhà đi nhưng tới khuya cũng về nhà. Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà L ông không đồng ý vì ông còn thương vợ con, muốn hàn gắn để cùng lo cho con.

Về con chung: Có 03 con chung là Ngô Thúy N (nữ) sinh ngày 20/6/1996, Ngô Thúy L1 (nữ) sinh ngày 15/8/1998 và Ngô Thúy L (nữ) sinh ngày 21/4/2008. Đối với hai cháu N và L1 đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết, còn cháu L hiện đang sống với L, sau khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi cháu L, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, cháu Nguyễn Thúy L trình bày nguyện vọng của cháu là được sống với bà L nếu bà L và ông Tính ly hôn.

Tại phiên tòa bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông Tính và yêu cầu được nuôi cháu L, không yêu cầu ông Tính cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Tính vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật, bị đơn tại phiên tòa vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy hôn nhân giữa bà L và ông Tính có nhiều mâu thuẫn, bà L cho rằng ông Tính nhậu nhẹt, đánh bà, có bỏ bịch bên ngoài nên xin ly hôn. Ông Tính thừa nhận có đánh bà L, có bỏ bịch nhưng đã sửa đổi, ông muốn hàn gắn với vợ chứ không đồng ý ly hôn nhưng ông Tính lại không có giải pháp gì khiến bà L đồng ý hàn gắn. Thấy mâu thuẫn vợ chồng bà L, ông Tính đã để mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông Tính. Về con chung, do cháu L hiện đang sống với bà L, cháu cũng có nguyện vọng sống với bà L nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, ông Tính không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về nợ chung và tài sản chung các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét. Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Phạm Thị Tuyết L và ông Ngô Văn Tính do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Tính, nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà L và ông Tính được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống bà L cho rằng giữa bà và ông Tính có nhiều mâu thuẫn, do ông Tính nhậu nhẹt, thường xuyên đánh đập bà, ông Tính còn có tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng không còn hạnh phúc. Mặc dù, ông Tính không đồng ý ly hôn nhưng lại không có giải pháp nào khiến bà L thay đổi mà về với ông nên nếu tòa án giải quyết cho vợ chồng hàn gắn cũng không có được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

[4] Về con chung: Bà L và ông Tính khai thống nhất có 03 con chung là Ngô Thúy N (nữ) sinh ngày 20/6/1996, Ngô Thúy L1 (nữ) sinh ngày 15/8/1998 và Ngô Thúy L2 (nữ) sinh ngày 21/4/2008. Đối với hai cháu N và L1 đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, bình thường về T thần và thể chất nên không đặt ra vấn đề quyền nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, bà L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L, cháu L cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà L. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của bà L. Bà L không yêu cầu ông Tính cấp dưỡng nuôi con chung nên ông Tính không phải cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông Tính khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc bà L phải chịu là 300.000đồng.

[7]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phạm Thị Tuyết L được ly hôn với ông Ngô Văn Tính.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Thúy L2 cho bà L nuôi dưỡng, bà L không yêu cầu ông Tính cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Tính có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Tuyết L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai số 0018654 ngày 08/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Bà L đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND xã Tân Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Mạc Thị Chiên